

TÁC ĐỘNG CỦA CẢI ĐẠO BẮT BUỘC TRÊN HOÀ ĐỒNG TÔN GIÁO: BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ SRI LANKA

Đại Đức Tiến sĩ Pinnawala Sangasumana*
Trần tiền Khanh dịch

GIỚI THIỆU

Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) nằm trong kế hoạch sâu rộng để cải thiện đời sống con người, được đưa ra bởi các quốc gia trên thế giới vào năm 2000 tại Hội nghị thượng đỉnh Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc (LHQ). MDG bao gồm 8 mục tiêu, 21 chỉ tiêu và 60 chỉ số. Mục tiêu chính của MDG là sử dụng các cam kết trong khuôn khổ hoà hợp nguyên tắc phát triển bền vững thông qua xóa đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục, y tế, bình đẳng giới, quan hệ đối tác toàn cầu và nhiều hơn nữa. Tất cả các mục tiêu phải đạt được vào năm 2015. Theo Kofi Annan, Cựu Tổng thư Ký của Liên Hiệp Quốc, mục tiêu thiên niên kỷ là một tập hợp các mục tiêu đơn giản nhưng mạnh mẽ, mà với nhau, chúng tạo nên kế hoạch chi tiết đã được cả thế giới đồng ý để xây dựng thế giới tốt đẹp hơn. Mục tiêu này đã được chấp nhận bởi các nhà tài trợ, các nước đang phát triển, các

(*) Đại học Sri Jayewardenepura, Sri Lanka

xã hội dân sự cũng như các tổ chức phát triển lớn. Lãnh đạo tôn giáo và học giả của tất cả tôn giáo cũng có vai trò quan trọng. Vận động của họ có thể ảnh hưởng đến các nhà lãnh đạo chính trị cũng như người dân bình thường. Những lời dạy và hướng dẫn của họ có thể truyền cảm hứng cho mọi người để đạt một mức mới về trách nhiệm, cam kết và dịch vụ công cộng. Bằng ví dụ, họ có thể thúc đẩy đối thoại liên tôn giáo, làm cầu nối của sự thiếu hiểu biết và sự hiểu lầm.

Một trong những lập luận cơ bản của bài viết này là không có hòa bình và hòa hợp giữa các tôn giáo trên thế giới. Mục tiêu thiên niên kỷ chỉ là những mục tiêu khó nắm bắt mãi mãi. Mặc dù tất cả các tôn giáo mong muốn hòa bình, nhưng thực tế nhiều trường hợp, nhiều tín đồ, nguồn lực, và các tổ chức có liên quan đến cuộc xung đột và bạo lực. Keown (2009) cho rằng các tôn giáo luôn luôn có nhiều điều để nói về hòa bình trong giáo lý của họ, sự quan tâm hiện đại trong kiến tạo hòa bình tôn giáo như một đề tài nghiên cứu độc lập và thực hành được phát sinh từ sự phát triển lịch sử. Những cuộc chiến tranh đã xảy ra dưới dạng đối đầu giữa các quốc gia hoặc các khối chính trị nắm giữ ý thức hệ xung đột nhau, kéo dài trong nhiều năm hoặc đôi khi nhiều thập kỷ. Tuy nhiên, điều thú vị là mặc dù tôn giáo thường bị buộc tội là nguyên nhân của chiến tranh, nhưng hầu hết các cuộc xung đột hiện đại có quy mô lớn lại ít liên quan đến tôn giáo. Các ý thức hệ khác, thể tục-chẳng hạn như chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa cộng sản- thường là thủ phạm, giữa chúng có thể gây nhiều thương vong hơn tất cả các cuộc chiến tranh tôn giáo trong lịch sử kết hợp lại. Tuy nhiên, gần đây hơn, mô hình đã thay đổi, các xung đột hiện nay chúng ta nhìn thấy trong thế giới xung quanh có nhiều ảnh hưởng hơn của tôn giáo so với trước đây. Điều này do bản chất của chiến tranh cũng đã thay đổi, và chúng ta có xu hướng không nên xem nhiều cuộc chiến tranh xảy ra giữa các quốc gia như tranh chấp khu vực giữa các phe phái chống đối được xác định bằng văn hóa của họ, cá tính khu vực, nguồn gốc dân tộc, hoặc niềm tin tôn giáo. Lời giải thích này phải nhấn mạnh rằng tôn giáo là yếu tố quan trọng trong quá trình xây dựng hòa bình, một loại chỉ đường cho các nhà lãnh đạo tôn giáo trên thế giới. Điều này được chứng minh bởi nhiều nhà nghiên cứu khác trong việc trình bày kinh nghiệm cá nhân qua những tác phẩm của họ (Sangasumana (2009 & 2011), Khemananda

(2011), Marshall (2012). Mặt khác, có một khoảng không lớn trong sự quan tâm nghiên cứu quá trình kiến tạo hòa bình thực tế với phương pháp tiếp cận tôn giáo. Khoảng cách này được xác định bởi Dion Peoples (2010) trong bài viết của ông *Vai trò của chúng ta là những nhà giáo dục Phật giáo trong việc phục hồi toàn cầu* bằng cách xem xét các bài tham luận được xuất bản trong hội nghị UNDV vài năm qua. Do đó, vai trò của tôn giáo trong việc phục hồi toàn cầu cần phải được nghiên cứu hơn nữa thông qua các bằng chứng thực nghiệm thay vì thiên về khái niệm hoặc theo định hướng nguồn chính. Trong bối cảnh này, bài này cố gắng tìm quy mô một trong những gốc rễ tôn giáo của bất hòa xã hội đang xảy ra giữa các cộng đồng khác nhau.

VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP

Kể từ khi cuộc xung đột tôn giáo, đức tin hay ý thức hệ ở bất kỳ quy mô nào đã trở thành một trong những khó khăn chính của việc đạt MDGs. Cuộc đối thoại và hợp tác giữa các tôn giáo khác nhau phải là công cụ quan trọng cho sự hiểu biết tốt hơn và sống chung hòa bình thế giới hiện nay- nếu không, sẽ có hòa bình giữa các quốc gia nhưng không có hoà bình giữa các tôn giáo. Ở cấp độ toàn cầu, nhiều nỗ lực đã được thực hiện để tập trung sự chú ý của thế giới về tầm quan trọng của các nhà lãnh đạo tôn giáo, phong trào tín ngưỡng liên tôn và cá nhân trên toàn thế giới nhằm thúc đẩy tôn trọng lẫn nhau, sự hiểu biết giữa các tín đồ tôn giáo và niềm tin khác nhau. Trong bản tuyên bố của lễ này, Đại hội đồng LHQ khuyến khích tất cả các nước sử dụng tuần đầu tiên của tháng Hai để truyền bá «thông điệp về sự hòa hợp tôn giáo và thiện chí trong các nhà thờ, nhà thờ Hồi giáo, giáo đường, đền chùa và những nơi thờ phượng khác trên thế giới, dựa trên tình yêu Thượng Đế, tình yêu thương người hàng xóm hay tình yêu cái tốt, mỗi người theo truyền thống tôn giáo hay niềm tin riêng của mình. Các tôn giáo trên thế giới đang đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy để đạt được MDGs, thông qua khả năng của các tín đồ, uy quyền đạo đức của các nhà lãnh đạo của họ và mạng lưới rộng lớn mà họ có thể kích hoạt để vận động, giáo dục và hành động. Nhưng yếu tố mà các nhà nghiên cứu không nhìn thấy là việc cải đạo dẫn đến xung đột giữa các tôn giáo, đặc biệt ở châu Á và nó vẫn không nhận được nhiều quan

tâm. Mục tiêu chính của bài viết này là đưa ra vấn đề trên bằng cách xem xét ba câu hỏi của cuộc nghiên cứu: a) cải đạo bắt buộc trong bối cảnh ở Sri Lanka là gì? b) Có mối quan hệ nào giữa vai trò của tổ chức NGO và phong trào cải đạo ở Sri Lanka; và c) Cải đạo bắt buộc sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sự hòa hợp liên tôn?.

Nhiều bài vở đã được viết về Phật Giáo Nguyên Thủy và cuộc xung đột ở Sri Lanka (Bartholomeusz 2002; de Mel 2007; Deegalle 2006a; Gnanarathana 2009; Grant năm 2009; Ivan năm 2006; Tambiah 1992). Tất cả những công trình này chỉ ra rằng chủ nghĩa dân tộc theo tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc theo sắc tộc đã đóng vai trò quan trọng trong các chính thể ở Sri Lanka. Bài viết này minh họa cách thức mà cải đạo bắt buộc trở thành trụ cột trong tất cả các giai đoạn của cuộc phục hưng tôn giáo ở thành trì Phật giáo này. Rõ ràng, người quốc gia khá hạnh phúc vì được hưởng lợi từ làn sóng khác nhau từ các phong trào phục hưng tôn giáo xảy ra rải rác trong lịch sử đất nước. Bài báo này, tôi ghi lại giai đoạn gần nhất của các hoạt động chống cải đạo như là nền tảng dẫn đến đề xuất một dự luật quốc hội.

Phương pháp nghiên cứu này chủ yếu bao gồm phân tích sách báo có liên quan. Nhiều nguồn, đặc biệt là các bài báo, cũng có một số sách và báo cáo của các ủy ban, bằng ngôn ngữ địa phương Sinhala. Đánh giá các văn bản này cung cấp chất liệu cho một số phỏng vấn cởi mở với các nguồn thông tin chính. Có lẽ vấn đề quan trọng cần được minh họa ở đây là Sri Lanka, sự phân biệt giữa cải đạo bắt buộc và cải đạo vô đạo đức rất mờ nhạt. Ngoài ra còn có hai thuật ngữ khác nhau, «đức tin» và «tôn giáo», được sử dụng khá lỏng lẻo. Mặc dù có nhiều điều để nói về sự khác biệt giữa hai từ này nhưng chúng vẫn được kết nối chặt chẽ và khá phổ biến nên bài này dùng hai thuật ngữ để thay thế cho nhau.

THẢO LUẬN

Kịch bản chống cải đạo ở Sri Lanka hiện đại

Các cuộc thảo luận chính của bài viết này tập trung vào việc khám phá cách thức cải đạo đã được quan tâm rộng rãi trong xã hội Phật giáo Sri Lanka và lực lượng chống chuyển đổi tác động đến hòa hợp liên tôn. Do

đó phần bài này nhìn vào các chỉ số khác nhau của tư duy xã hội đương đại Sri Lanka liên quan đến việc chuyển đổi.

Chuyển đổi là một thuật ngữ tổng quát, áp dụng cho tất cả thay đổi quan điểm từ một niềm tin này đến một niềm tin khác. Cải đạo áp dụng đối với những người thay đổi niềm tin tôn giáo của họ.

Người chuyển đổi sang tôn giáo khác vì nhiều lý do, kể cả: chuyển đổi tích cực của tự do lựa chọn do sự thay đổi niềm tin, chuyển đổi thứ cấp, chuyển đổi trên giường bệnh, chuyển đổi vì thuận tiện và chuyển đổi vì hôn nhân...vv (Falkenberg 2009). Điều này sẽ không là vấn đề khi một người chuyển đổi từ tôn giáo khác theo ý muốn của mình. Ví dụ, người ta thường nói rằng một người chuyển đổi sang tôn giáo khác sau khi kết hôn với người phối ngẫu là thành viên của tôn giáo đó. Khi nó xảy ra vì bạo lực, vì tổ chức từ thiện hoặc chống lại ý chí thì nó trở thành vấn đề. Chuyển đổi bất kỳ người nào từ tôn giáo này sang tôn giáo khác bằng cách sử dụng vũ lực hoặc bằng cách dụ dỗ thường được gọi cải đạo vô đạo đức hoặc cưỡng bức.

Cải đạo cho người bị cải đạo cơ hội để nắm lấy một cộng đồng cùng đức tin. Triết lý để nuôi dưỡng, hướng dẫn là cung cấp sự tập trung cho lòng trung thành và khuôn khổ cho hành động. Dù chuyển đổi từ truyền thống tôn giáo khác, từ một giáo phái khác, từ không có sự tham gia để tham gia vào một cộng đồng tôn giáo, hoặc một tăng cường cam kết trong đức tin của mình, quá trình này có thể phức tạp nhưng hấp dẫn và biến đổi. Lewis R. Rambo là một trong những học giả chủ chốt đã tìm cách vẽ đồ thị để nắm bắt toàn bộ lĩnh vực của quá trình chuyển đổi. Trong cuốn sách “Hiểu biết Cải đạo”, ông đã viết từ truyền thống Kitô giáo, lợi ích của ông là nắm lấy các tôn giáo lớn trên thế giới cũng như rất nhiều phong trào giống như nhà thờ hiện đại. Ông thảo luận về động thái chuyển đổi, trình bày nó như một quá trình nhiều mặt của sự thay đổi với những tác động cá nhân, văn hóa, xã hội và tôn giáo. Ông xem xét các phương thức chuyển đổi, xem xét vai trò của yếu tố văn hóa, xã hội trong quá trình chuyển đổi, và mô tả cách các tôn giáo và lĩnh vực khác nhau xem xét chuyển đổi (Rambo 1995). Menon (2003) giải thích rằng người theo Ấn giáo ở Ấn Độ đã bị chuyển đổi sang Kitô giáo vì họ bị lừa bởi nhà truyền giáo hoặc bị quyến rũ bởi quà tặng vật chất và hiện thực văn

hóa. Ở Iran, người Dani đã trả lời các cuộc xâm lược bằng cách trở thành tín đồ Kitô với các chuyển đổi quy mô lớn và các phong trào tự thiêu tự nhiên. Người Dani đã xem những người truyền giáo như ma và tổ tiên (Farhadian 2003). Chủ yếu là chuyển đổi đã được quan tâm như một vấn đề xã hội ở hầu hết các xã hội. Chuyển đổi qua mất nhà nhân chủng học là một hiện tượng rất phức tạp, không thể được đưa vào kịch bản tích cực hoặc tiêu cực, trong khi Driks (1996) cho rằng việc chuyển đổi là dấu hiệu của bạo lực có nhận thức. Trong bối cảnh Sri Lanka, cải đạo được quan tâm như chiến lược xâm lược thực hiện bởi những kẻ cực đoan tôn giáo và do đó nó đã được đề xướng như một vấn đề xã hội nhạy cảm trong suốt lịch sử. Trên nền tảng cải đạo này hầu như luôn luôn liên quan đến hình thức tiêu cực, như *cải đạo vô đạo đức hoặc bắt buộc*. Dự luật tự do tôn giáo được soạn thảo năm 2004 đến nay tại Quốc hội Sri Lanka nhấn mạnh mục đích và định nghĩa cải đạo bắt buộc như sau.

Để bảo vệ tự do tôn giáo mà người Sri Lanka được hưởng từ thời xa xưa, để khuyến khích tình thân ái giữa các dân tộc của tất cả tôn giáo; ngăn cấm việc chuyển đổi của người tán thành một tôn giáo, tổ chức hoặc thuộc một tôn giáo tín ngưỡng, tôn giáo thuyết phục, đức tin, sang một tôn giáo khác, tôn giáo tín ngưỡng khác, tôn giáo hay đức tin thuyết phục, bằng việc thực hiện có hiệu lực, ép buộc, dụ dỗ, gian lận hoặc các phương tiện phi đạo đức khác; nhằm phục vụ vấn đề kết nối hợp hoặc ngẫu nhiên theo đó.

Ngoài dự luật được soạn thảo, hai báo cáo của ủy ban lấy từ phương tiện truyền thông in ấn địa phương là bằng chứng tài liệu của kịch bản chống chuyển đổi ở Sri Lanka. Hai báo cáo được lấy từ Ủy ban của Tổng thống về Buddha Sasana năm 2002, và Ủy Ban Đại hội Phật Giáo Tích Lan về cải đạo phi đạo đức các Phật tử sang tôn giáo khác năm 2009. Các tài liệu này được gọi là Ủy ban Tổng thống (2002) và Báo cáo của Đại hội Phật giáo (2009).

Chương thứ chín của Ủy ban Tổng thống (2002) về chuyển đổi. Nó vạch ra bối cảnh lịch sử của chuyển đổi là vấn đề lâu dài ở Sri Lanka và sau đó tiếp tục kiểm tra tình hình hiện nay liên quan đến hiện tượng này. Báo cáo chỉ ra 110 tổ chức phi chính phủ NGOs đăng ký là công ty và tham gia vào chuyển đổi phi đạo đức (p.124 và Phụ lục 9.3). Báo cáo

tiếp tục cáo buộc rằng các NGOs đã tạo ra không gian của những chuyển đổi dưới chiêu bài can thiệp điều kiện nhân đạo khác nhau, đặc trưng bởi nghèo đói, thất nghiệp, bị gạt ra ngoài lề, khuyết tật thể chất và tinh thần. Để hỗ trợ điều này báo cáo đề trình biên dịch bằng lời nói, và đề trình tài liệu với tổng số 443. Điều thú vị là báo cáo bằng chứng này cũng bao gồm các bài báo, thư tín, quảng cáo, tờ rơi được ban hành/được viết bởi các tổ chức Cơ Đốc Tin Lành đang hoạt động tại Sri Lanka. Báo cáo cũng cung cấp tài liệu về các sự kiện chuyển đổi tại nhiều địa điểm khác nhau ở Sri Lanka. Dựa trên những phát hiện này, Ủy ban Tổng thống (2002) đề xuất 131 kiến nghị, trong đó 30 có liên quan đến cải đạo. Một trong những khuyến nghị quan trọng cho bài viết này: “tuyên truyền phi đạo đức và chuyển đổi của các tôn giáo nên bị cấm bởi hành động của quốc hội. Việc này cũng nên bị trừng phạt theo bộ luật hình sự.” (Tác giả bản dịch của nghị định số 12,83 trong p.180).

Ủy ban Đại hội Phật giáo Toàn Tích Lan vào ngày 2006/11/06 được độc quyền báo cáo về việc chuyển đổi phi đạo đức các Phật tử Sri Lanka sang tôn giáo khác. Do đó, báo cáo Đại hội Phật giáo (2009) là then chốt cho cuộc thảo luận ở đây. Báo cáo đề trình 348 tài liệu bao gồm hai mươi chương về hoạt động chuyển đổi của các tổ chức NGO ở Sri Lanka. Trong thực tế báo cáo dành riêng cho hoạt động của các tổ chức thuộc Kitô giáo Chính thống, như toàn bộ báo cáo tập trung vào các vấn đề chuyển đổi, đã ghi nhận ngay cả những kỹ thuật tinh tế được sử dụng bởi các tổ chức tôn giáo không đúng tiêu chuẩn. Khi nói đến khuyến nghị, một lần nữa tài liệu này có nhiều chi tiết hơn tài liệu trước. Ví dụ tài liệu gần đây đề xuất 131 kiến nghị bao gồm các biện pháp ngăn chặn chuyển đổi phi đạo đức cũng như để cải thiện những tác động tiêu cực của nó trên Buddha Sasana.

Phong trào chống chuyển đổi đã tràn đầy sau cái chết của Gangodawila Soma Thera, thành phần quan trọng trong cuộc tuyệt thực của Omalpe Sobhitha Thera (2004/03/01) để yêu cầu chính phủ ra đạo luật Quốc hội chống cải đạo. Điều này gây ra phản ứng từ Bộ Tôn giáo và ủy ban gồm 31 tăng sĩ Phật giáo được bổ nhiệm để xem xét vấn đề. Do đó một dự luật đã được thực hiện do Bộ trưởng vào ngày 2004/06/02. Ngoài ra, nghị sĩ mới được bầu Jathika Hela Urumaya quyết định đưa dự luật khác về các

vấn đề tương tự (Karunanayake 2008). Cả hai dự luật đều có ý tưởng tương tự liên quan đến vấn đề chuyển đổi phi đạo đức.

Khi công bố dự luật Cấm Cải Đạo Bắt Buộc (luật riêng của thành viên) trong Công báo, Phần II 28 tháng 5 2004-Bổ sung (Ban hành vào ngày 31 tháng 5 năm 2004) có một số phản ứng cả ủng hộ và chống lại (Báo Giáo Pháp 2004). Khi dự luật được công bố đã có 21 kiến nghị thách thức tính hợp hiến của dự luật. Tòa án tối cao từ chối tất cả các kiến nghị này, nhưng phán quyết rằng dự luật theo đúng hiến pháp và có thể sửa đổi. Điều thú vị là trong bản án của Tòa án tối cao nói một cách rõ ràng và nghiêm khắc rằng một đặc tính quan trọng của hành vi phạm tội ‘thuyết phục’ trong bối cảnh này là cung cấp các lợi ích hấp dẫn. Sau khi chỉnh lý, dự luật ấy được gửi đến Quốc hội vào ngày 6/1/2009. Tuy nhiên, phần còn lại của quá trình dẫn đến đề xuất, tranh luận và bỏ phiếu cho dự luật vẫn chưa xảy ra.

Tác động của cải đạo trên bất hòa xã hội

Các nhà nhân chủng-xã hội học cho rằng cải đạo nêu lên nhiều câu hỏi quan trọng về quá trình xã hội trong đó có tôn giáo. Chuyển đổi thường là quá trình cá nhân để thay đổi thế giới quan của cá nhân và chỉ liên quan đến một người duy nhất, nhưng nó lại xảy ra trong bối cảnh gồm các thủ tục thể chế và các mối quan hệ xã hội (Buckser và Glazier 2003). Khi xảy ra, cải đạo chắc chắn tạo tình trạng bất ổn tôn giáo ở bất kỳ quy mô nào. Nó cũng làm rối loạn sự hài hòa tôn giáo. Menon (2003) giải thích rằng cách thức cải đạo đã trở thành một trong những vấn đề xã hội hàng đầu ở Ấn Độ. Người dân Hindu phản đối chuyển đổi và truyền giáo, cho rằng người truyền giáo lừa người Hindu vô tội chuyển đổi sang Thiên Chúa giáo hoặc họ hối lộ bằng cách cung cấp thù lao vật chất. Trong bài viết của mình, một câu chuyện về bạo lực đã nổ ra giữa Ấn giáo và Kitô giáo ở Gujarat, Farhadian (2003) nhấn mạnh rằng chuyển đổi của Kitô giáo đã đóng góp đáng kể vào căng thẳng xã hội trong nhân dân Dani ở Iran. Do đó cải đạo bắt buộc thật sự làm tăng xung đột giữa các nhóm tôn giáo hay đức tin, đặc biệt ở các nước Châu Á.

Sri Lanka là một trong số ít quốc gia có đa số dân theo đạo Phật mặc dù qua nhiều thế kỷ chế độ thực dân, đầu tiên với sự xuất hiện của người

Bồ Đào Nha năm 1505, sau đó là người Hà Lan năm 1685, và cuối cùng là người Anh năm 1798. Người Anh hoàn toàn chinh phục đất nước này vào năm 1815. Điều này có nghĩa rằng lịch sử hiện đại của đất nước có nhiều giai đoạn đe dọa nghiêm trọng đối với Phật giáo dưới bàn tay của những người cai trị thuộc địa (De Silva 1965; Malalgoda 1976; Phadnis 1976; Weeraratne 2005). Do đó cuộc đấu tranh tự do của Sri Lanka xảy ra hầu hết song song với các phong trào chấn hưng Phật giáo. Bài viết này lập luận rằng các hoạt động chống lại việc chuyển đổi Phật tử đã là dấu hiệu của những cuộc phục hưng. Ví dụ hàng loạt phong trào chống cải đạo đánh dấu sự phục hưng Phật giáo trong lịch sử hiện đại bao gồm những phong trào dẫn đầu bởi Đại đức Miggettuwatte Gnananada (1823-1890), Đại tá Henry Steel Olcott (1832-1907), Anagarika Dharmapala (1864-1933), vv Trên thực tế, bài viết này lập luận rằng sức mạnh của phong trào chống chuyển đổi là chỉ số quan trọng của sức mạnh các phong trào phục hưng Phật giáo. Một chuỗi hoạt động Phật giáo đặt nền móng cho những gì Bartholomeusz gọi là “chủ nghĩa thế tục Phật giáo”. Ví dụ, Hiến pháp Sri Lanka gần đây nhất cho Phật giáo là “nơi quan trọng nhất”, đồng thời nó bảo vệ tất cả tôn giáo của đảo và bảo đảm tự do tôn giáo. Trong “chủ nghĩa thế tục Phật giáo,” đặc biệt là các mối quan tâm địa phương, dựa trên tôn giáo, gắn bó với những ý tưởng liên kết hiện tại của Sri Lanka với quá khứ thuộc địa, trong đó có di sản thế tục riêng của mình. (Bartholomeusz 2002: 5)

Xem xét tác động của chuyển đổi buộc Phật tử sang Kitô giáo dựa trên bất hòa xã hội, các tính năng nổi bật như: phản ứng sắc nét và sâu sắc đối với phong trào chuyển đổi của trào lưu chính thống Kitô giáo, hầu hết các tổ chức NGO hoạt động trong nước có liên kết với các phong trào chính thống Kitô giáo, thành lập tổ chức Phật giáo nhằm mục tiêu đối phó với công việc của các thủ phạm NGO, hoạt động của người dân tập trung chủ yếu vào công tác chống chuyển đổi, trông cậy vào hành động pháp lý, thiết lập ủy ban để tìm cáo buộc về chuyển đổi phi đạo đức và phác thảo cách cải đạo gây tình trạng bất ổn giữa các tôn giáo. Điều quan trọng là tôi nhìn vào một số ý tưởng đang lưu hành trong công chúng về vấn đề này. Nó rất hữu ích để biết mức độ thâm sâu của cội rễ vấn đề trong toàn thể xã hội Sri Lanka, không chỉ ở giới Phật tử. Pannaseeha (1993), một trưởng Sanghanayake, nói: “*Việc thực hành chuyển đổi phi*

đạo đức các Phật tử phải được dừng lại ngay lập tức. Để đạt điều này, chúng ta cần ban hành luật quốc hội và thực hiện hành động này ngay.”

Các học giả Phật giáo nổi bật khác và những người hoạt động tích cực cũng đã tuyên bố cần nâng cao nhu cầu bảo vệ *Sasana của Đức Phật* vì cải đạo (Dhammananda năm 2001; Gnanarathana 2009; Wimalarathana 1990). Điều thú vị là đại diện các cộng đồng tôn giáo khác ở Sri Lanka cũng nêu lên lo ngại về xu hướng ngày càng tăng việc cải đạo vô đạo đức. Tín đồ Kitô, Anh giáo và Công giáo đã cùng tồn tại ở Sri Lanka trong thời gian dài. Tuy nhiên, các NGOs do quốc tế tài trợ đang tiến hành chuyển đổi Phật tử, người Công giáo, và tín đồ Ấn giáo. Điều này thực sự đe dọa phá vỡ sự hài hòa giữa các tôn giáo trong nước. Theo Swamipullei (2004) Arch Bishop, Trincomalee và Batticaloa, phong trào đức tin được thương mại hóa đang đe dọa sự tồn tại không chỉ của Phật tử mà còn các người theo Ấn giáo. T. Maheshwaran, Bộ trưởng Bộ Tôn giáo Hindu. Ngoài những ý kiến phản đối việc cải đạo phát ra từ tất cả cộng đồng tôn giáo ở Sri Lanka, chủ đề này cũng được đa số người dân quan tâm (Jayasinghe 2006; Rajakarunanayake 2007; Waduge 2008; Warnakulasooriya 2006).

Bằng chứng cho đến nay- hai báo cáo, và tài liệu tham khảo khác nhau từ bài báo của các nhà lãnh đạo tôn giáo và các nhà lãnh đạo- cho biết vấn đề chuyển đổi phi đạo đức đã đào sâu trong xã hội Sri Lanka. Bằng chứng này rất thuyết phục qua hình ảnh tiêu cực của một số phần tử tôn giáo cực đoan đã tạo ra bởi chuyển đổi phi đạo đức vì đó là vấn đề khá phức tạp và cũng là vấn đề xã hội nghiêm trọng.

KẾT LUẬN

Tôn giáo là yếu tố quan trọng trong chính trị thế giới ngày nay, với một hỗn hợp của nhiều khía cạnh tích cực và tiêu cực hiện đang tranh cãi. Tiếng nói tôn giáo buộc chúng ta làm việc cho hòa bình, hòa hợp và trật tự thế giới để từ bỏ tham lam, bảo vệ môi trường và đạt MDG. Sự tham gia của tôn giáo vào các mục tiêu MDG trên toàn cầu đã được chứng minh có hiệu quả và hữu ích. Trong bối cảnh xây dựng hòa bình, hòa hợp, vai trò của tôn giáo cung cấp nền tảng thuận lợi để tiếp cận với các đối tượng hưởng lợi trong vài bối cảnh. Bài viết này thảo luận tác động của việc cải đạo bất buộc trên nền hòa bình và hòa hợp hiện tại giữa các tôn giáo; do đó nó trở

thành rào cản cho việc đạt MDG. Tình hình được tạo ra bởi vì việc chuyển đổi bắt buộc Phật tử tại Sri Lanka do những người cực đoan tôn giáo; nó đe dọa sự tồn tại của tôn giáo nhỏ truyền thống. Điều này thật không may vì các tôn giáo nhỏ truyền thống của đất nước thực sự có vai trò trong quá trình hòa giải. Trong bầu không khí chống tôn giáo nếu chuyển đổi người Hindu diễn ra ở miền Bắc dưới vỏ bọc của các hoạt động nhân đạo, những trận đòn ngược trở lại rất có thể xảy ra nhanh chóng và thậm chí kể cả bạo lực.

Phật giáo là tôn giáo dạy người “sống và hãy cho sống”. Trong lịch sử thế giới, không có bằng chứng cho thấy Phật tử đã can thiệp hoặc thực hiện bất kỳ thiệt hại nào cho bất kỳ tôn giáo nào khác ở bất kỳ chốn nào trên thế giới với mục đích giới thiệu tôn giáo của mình. Phật tử không xem sự tồn tại của các tôn giáo khác như một trở ngại cho sự tiến bộ và hòa bình của thế giới. Trong bối cảnh này, bài viết lập luận rằng cải đạo bắt buộc là mối quan tâm quan trọng nhất đã làm căng thẳng các cộng đồng tôn giáo khác nhau ở Sri Lanka, vì tình trạng bất ổn và bất hòa. Bài này tiếp tục chỉ ra cách thức mà các khái niệm quan trọng của Phật giáo và thực hành tự do tôn giáo trong nước đã bị lạm dụng bởi các nhóm tôn giáo cực đoan hay một số tôn giáo mới được giới thiệu. Trích dẫn cuộc phục hưng Phật giáo gần đây, dự luật chống chuyển đổi, các báo cáo được công bố của hai ủy ban điều tra chỉ ra tính chất và một chuỗi vấn đề cải đạo ở Sri Lanka, tác động của nó trên cuộc xung đột ngày càng tăng giữa các tôn giáo. Rõ ràng một trong những yếu tố bên trong và bên ngoài đã có nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến việc đạt MDG - một kế hoạch sâu rộng để cải thiện sức khỏe con người, những xung đột tôn giáo vì cải đạo bắt buộc- đã trở thành yếu tố quan trọng ở Sri Lanka. Do đó tăng cường quan hệ liên tôn và duy trì đối thoại liên tôn phải là mối quan tâm chính của con đường chung sống hòa bình hôm nay.

THƯ MỤC

- Bartholomeusz, T. (2002) *In Defense of Dharma: Just-War Ideology in Buddhist Sri Lanka*. Routledge, New York. (Biện hộ cho Phật Pháp: Tư tưởng của Chiến tranh chính đáng ở Sri Lanka Phật Giáo)
- Buckser, A. and Glazier, S.D. (2003), *Religious Conversion*, Rowman& Littlefield Publishers, Maryland, USA. (Cải Đạo)
- Deegalle, M., (ed) (2006a) *Buddhism, Conflict and Violence in Modern Sri Lanka*. Routledge Critical Studies in Buddhism. New York, Routledge. (Phật giáo, Xung đột và Bạo lực ở Sri Lanka hiện đại)
- Dhammananda, M. (2001) *Religious Conversion*, Seewalee Printers (Sinhala Book), Matale. (Cải Đạo)
- Dion Peoples (2010), *The Role We Play as Buddhist Educators for Global Recovery*, UNDV Conference Volume, Thailand. 124- 150pp. (Vai trò các nhà giáo dục Phật giáo trong việc hồi phục toàn cầu)
- Driks, N.B. (1996), *The Conversion of Caste: Location, Translation, and Appreciations*, In: Veer, P.V. (ed), *Conversion in Modernities*, Routledge, New York, 115-136pp. (Cải đạo cho giai cấp: Địa điểm, chuyển dịch và đánh giá)
- Falkenberg, S. (2009), *Psychological Explanations of Religious Socialization: Religious Conversion*. Eastern Kentucky University. (Giải thích tâm lý của Xã hội hoá tôn giáo: Cải đạo)
- Frydenlund, I. (2005) 'The Sangha and Its Relation to the Peace Process in Sri Lanka'. International Peace Research Institute, Oslo (PRIO). (Tăng đoàn và quan hệ với quá trình hoà bình ở Sri Lanka)
- Jayewardene, K. (1979) 'Bhikkus in Revolt, Part 2: Revival, Revolt and Race'. Lanka Guardian 15th June: 13. (Tỳ-kheo nổi loạn, Phần 2: Phục hưng, nổi loạn và sắc tộc)
- Karunanayake, A. R. (2008) *A Study of Religions Conversion in Sri Lanka (1960-2005)*, Author Published (Sinhala Book). (Một nghiên cứu về cải đạo ở Sri Lanka (1960-2005))
- Keown, D. (2009), *Learning from Religious Peacemakers*, In: *Buddhist Approach to Political Conflict and Peace Development*, UNDV Conference Volume, Thailand. 01-11 pp. (Học từ các nhà hoà bình tôn giáo)
- Malalgoda, K. (1976) *Buddhism in Sinhalese Society 1750- 1900: A Study*

- of Religious Revival and Change. University of California Press. (Phật giáo trong xã hội Tích lan)
- Marshall, K. (2001), Development and Religion: A different Lens on Development Debates, *Peabody Journal of Education*, 76:3;84, 339-375pp. (Phát triển và tôn giáo: một lăng kính khác của các tranh luận về phát triển)
- Marshall, K. (2012), MDGs meet religion: past, present and future, in: Wilkinson, D. and Hulme, D. (eds), *The Millennium Development Goals and Beyond*, Routledge, Oxon. (MDGs gặp tôn giáo: quá khứ, hiện tại và tương lai)
- Menon, K.D. (2003), Converted innocents and their Trickster Heroes: The Politics of Proselytizing in India In: Buckser, A. and Glazier, S.D. (eds), *Religious Conversion*, Rowman & Littlefield Publishers, Maryland, USA. (Cải đạo người vô tội và các anh hùng thủ đoạn: Chính trị của truyền giáo ở Ấn Độ)
- Rambo, L.R. (1995), *Understanding Religious Conversion*, Yale University Press. (Hiểu biết cải đạo)
- The Dhamma Times (2004) 'Conversion Battle Reaches a Climax'. Last Access: 30 May 2010. (Chiến tranh Cải đạo đạt đỉnh)
- Ven. Ganaratana, N. (2009), Buddhist Monks, Religion and Politics in Sri Lanka, In: *Buddhist Approach to Political Conflict and Peace Development*, UNDV Conference Volume, Thailand. 102-107 pp. (Các nhà sư Phật Giáo, Tôn giáo và chính trị ở Sri Lanka)
- Ven. Khemananda, M. (2011), Building a Harmonious Society: Buddhist Introspection, In: *Buddhist Virtues (Xây dựng một xã hội hài hòa: nội quan của Phật giáo)*
- Ven. Sangasumana, P. (2009), Buddhist Perspective on Addressing War-Displacement, In: *Buddhist Approach to Political Conflict and Peace Development*, UNDV Conference Volume, Thailand. 85- 101pp. (Quan điểm của Phật giáo về Chiến tranh và di cư)
- Ven. Sangasumana, P. (2012), The Role of NGOs in Sri Lanka, Religious Conversion and Politicization, In: *CHARANA Literature Volume*, Published by Bhikku Society, University of Sri Jayewardenepura, Sri Lanka, 512-534 pp (*Sinhala Medium*). (Vai trò của NGOs ở Sri Lanka, Cải đạo và chính trị)